TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:127/2019/QĐS-HNGĐ	*Quảng Xương.ngày 15 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; 213; Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số154/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị L - SN 1990.
2. Anh Tô Văn C - SN 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về hôn nhân***: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05/7/2019 chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn C thống nhất anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/8/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoản 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 02/2019, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị L và anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thỏa thuận giữa anh và chị là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] ***Về con chung***: Chị L, anh C thống nhất có 01 con chung tên là Tô Văn C - Sinh ngày 29/11/2015. Anh, chị thỏa thuận anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh C 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh và chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] ***Về tài sản và công nợ***: Anh, chị thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] ***Về lệ phí***: Chị L, anh C thỏa thuận chị L chịu toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn C.

- ***Về con chung***: Chị L, anh C có 01 con chung tên là Tô Văn C - Sinh ngày 29/11/2015, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh C mỗi tháng 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2019 đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- ***Về tài sảnvà công nợ:*** Chị L, anh C không yêu cầu giải quyết.

2.*Về lệ phí Tòa án:* Chị L chịu 300.000đ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1627 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. Chị Liên đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Quảng Xương.
- UBND xã Q, H.Q.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Lý